TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20/4/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư
Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thanh T**, sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.
Bị đơn: Anh **Trương Bảo T**, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thanh T trình bày: Chị và anh Trương Bảo T cưới nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ghen tuông vô cớ hay chửi mắng chị nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Con chung: Có 03 cháu tên Trương Đoàn Thảo N, sinh ngày 28/11/2000 đã thành niên và lao động được ; Trương Đoàn Phương Q, sinh ngày 21/12/2002 và Trương Đoàn Minh T, sinh ngày 06/11/2010. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trương Bảo T thống nhất theo lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn thì anh cho rằng do chị T có người đàn ông khác và đã bỏ nhà đi mấy tháng nay. Do chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn nên anh cũng đồng ý.

Con chung: Anh đồng ý trực tiếp nuôi 02 cháu Phương Q và Minh T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đoàn Thanh T có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Trương Bảo T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết nên chị T và anh T được gia đình tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau vào năm 1999. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T khai nguyên nhân do anh T ghen tuông mù quáng, hay kiếm chuyện chửi mắng chị, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thừa nhận là mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài, tình cảm không còn là do chị T có người khác và đã bỏ nhà đi nên anh đồng ý ly hôn. Theo lời khai của chị T và anh T thì anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nhưng không nhớ năm nào và giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc, không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, tại Công văn số 162/UBND-HT ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, về việc xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Đoàn Thanh T thì Sổ hộ tịch và hồ sơ đăng ký kết hôn của chị Thanh Thảo không có lưu, xem như chị T và anh T không có đăng ký kết hôn. Theo quy định của pháp luật thì nam nữ sống chung với nhau, nếu đủ điều kiện đăng ký kết hôn thì phải đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Chị T và anh T đã xác lập quan hệ vợ chồng, chung sống với nhau trong khoảng thời gian dài, có đủ điều kiện nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị Đoàn Thanh T và anh Trương Bảo T là vợ chồng.

[3] Con chung: Có 03 cháu tên Trương Đoàn Thảo N, sinh ngày 28/11/2000 đã thành niên và lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết ; Riêng Trương Đoàn Phương Q, sinh ngày 21/12/2002 và Trương Đoàn Minh T, sinh ngày 06/11/2010 thì trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T đã thống nhất thỏa thuận giao cho anh T trực tiếp nuôi, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 13/02/2020 hai cháu Phương Q và Minh T cũng có nguyện vọng ở với cha khi ba mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử giao hai cháu cho anh T

trực tiếp nuôi là đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Do anh T chua có yêu cầu nên chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản và nợ chung: Chị T và anh T thống nhất không có.

[5] Về án phí: Chị Đoàn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không công nhận chị Đoàn Thanh T và anh Trương Bảo T là vợ chồng.

Con chung: Giao hai cháu Trương Đoàn Phương Q, sinh ngày 21/12/2002 và Trương Đoàn Minh T, sinh ngày 06/11/2010 cho anh Trương Bảo T trực tiếp nuôi, chị Đoàn Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đoàn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Án phí: Chị Đoàn Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17467 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- UBND xã Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Phượng